

Số: 147/GPMT-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Xét Văn bản số 03/ĐL ngày 03/12/2024 và Văn bản số 10/ĐL ngày 05/01/2025 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-STNMT ngày 11/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc (địa chỉ: Phòng 1807, khối I, nhà C6, Mỹ Đình I, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với những nội dung sau:

1. Thông tin chung của chủ cơ sở

1.1. Tên dự án: Khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

1.2. Địa điểm hoạt động: Bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 0104539660, đăng ký lần đầu ngày 16/3/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/02/2021, do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0104539660.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến đá.

1.6. Phạm vi quy mô, công suất:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích của dự án: 37.921 m² (3,7921 ha). Trong đó: Diện tích khu vực khai thác 32.671,3 m²; diện tích khu vực phụ trợ 5.249,7 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động (khai thác): 70.000 m³ đá nguyên khối/năm (tương đương 100.800 m³ sản phẩm/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải,

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 03/3/2031 (theo thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản số 08/GP-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh).

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp Giấy phép môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, CT;
- UBND huyện Mộc Châu;
- Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147/GPMT-UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt tại khu vực Nhà điều hành.
- Nguồn số 2: Nước thải công nghiệp từ nước mưa tự nhiên chảy tràn qua khu vực dự án *(khai trường khai thác và khu vực phụ trợ)*.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Dòng thải số 01 *(tương ứng với nguồn số 1 và nguồn số 2)*: Khe suối phía Tây Nam khu mỏ tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

Dòng thải số 01 *(tương ứng với nguồn số 1 và nguồn số 2)*: Khe suối phía Tây Nam khu mỏ tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Vị trí tọa độ: $X(m) = 2306815$; $Y(m) = 560915$ *(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}00'$, múi chiều 3°)*.

- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $943 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý xả vào hồ lắng số 02; Nước thải công nghiệp từ nước mưa tự nhiên chảy tràn qua khu vực theo rãnh thoát nước thu về hồ lắng số 01 và hồ lắng số 02, sau đó chảy ra khe suối phía Tây Nam khu mỏ *(tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La)*.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn *(khi có mưa)*

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ($Kq = 0,9$; $Kf = 1,0$), cụ thể: 

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B - C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Màu	Pt/Co	150		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	45		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	90		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9		
6	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sẽ được thu gom và xử lý qua 01 bồn tự hoại (03 ngăn) dung tích 4 m³ sau đó nước theo đường ống PVC D60 dẫn về bồn khử trùng dung tích 0,5 m³. Nước sau bể khử trùng thoát ra hồ lắng 2 theo đường ống PVC D60 (chiều dài 2m); Nước thải từ những khu vực nhà ăn, khu rửa tay chân sẽ được thu gom theo hệ thống đường ống riêng (PVC D90, dài 3m) dẫn vào hồ lắng 2, sau đó chảy ra khe suối phía Tây Nam khu mỏ (tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

- Nguồn số 02: Xây dựng hệ thống rãnh thu nước tại khu vực khai trường, khu vực sản công nghiệp và dọc tuyến đường nội bộ. Rãnh thu nước được đào bằng máy xúc kết hợp đào thủ công với kích thước (rộng mặt × rộng đáy × sâu): 1,0m × 0,4m × 0,35m, tổng chiều dài 736m, rãnh có góc nghiêng thành 45°, kết cấu rãnh: đáy và thành rãnh là nền đất đá tự nhiên. Nước thải mỏ được thu gom theo các rãnh thu nước, kèm 03 hố ga (thể tích 1m³, lót đáy bê tông xi măng M150, thành hố xây bằng gạch không nung) dẫn về lắng cạn tại hồ lắng số 01 (dung tích 265m³) và hồ lắng số 02 (dung tích 810m³), sau đó chảy ra khe suối phía Tây Nam khu mỏ (tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 4m³) → Bồn khử trùng (dung tích 0,5m³) → Hồ lắng 2 (dung tích 810m³) → Xả ra khe suối phía Tây Nam khu mỏ. Hóa chất, vật liệu sử dụng: viên nén Clo, liều lượng sử dụng 0,6g cho 1m³ nước.

- Nguồn số 02: Nước thải mỏ → Rãnh thu gom, đường ống PVC tự chảy và hố ga → Hồ lắng 1 (dung tích 265m³) → Hồ lắng 2 (dung tích 810m³) → Xả ra khe suối phía Tây Nam khu mỏ. Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không. ✓

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: Tràn nước ở hồ lắng trong trường hợp bão lũ; chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.

- Thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động của các rãnh thoát nước, hồ ga và hồ lắng để có biện pháp khắc phục kịp thời; Định kỳ 01 lần/tháng tiến hành kiểm tra, nạo vét, khơi thông, hạn chế việc bùn đất, đá xâm nhập vào rãnh thoát nước, hồ lắng gây tắc nghẽn, ứ đọng nước trong khu vực, giảm thiểu việc chứa nước của hồ lắng.

- Lắp đặt biển báo nguy hiểm tại hồ lắng nhằm hạn chế được sự tiếp xúc của người ngoài và gia súc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 ngày của giai đoạn vận hành ổn định (dự kiến quý I năm 2025).

- Thông số giám sát, số lượng mẫu:

TT	Vị trí/ Công đoạn lấy mẫu	Thông số giám sát	Số lượng mẫu
1	Nước thải đầu vào bể tự hoại	pH; BOD ₅ ; TSS; Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H ₂ S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P); tổng Coliforms	01 (01 mẫu/đợt)
2	Nước thải sau xử lý (điểm xả thải ra hồ lắng 2)		03 (01 mẫu/đợt)

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. 



Phụ lục số 02

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147/GPMT-UBND ngày 17/01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của thiết bị, máy móc, phương tiện cơ giới trong quá trình khai thác và vận chuyển.
- Nguồn số 2: Từ hoạt động nghiền sàng đá.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn phân tán hoặc di động) trong khuôn viên cơ sở thuộc điểm mỏ khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	01 lần/năm	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	01 lần/năm	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

(Nội dung quan trắc định kỳ theo đề xuất của Chủ dự án)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị hoạt động tại mỏ đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát

sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung; Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục số 03
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147/GPMT-UBND ngày 17/01/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI
1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	650
2	Dầu Diezen thải	17 06 01	200
3	Giẻ lau dầu mỡ	18 02 01	35
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
TỔNG KHỐI LƯỢNG			890

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Năm khai thác	Khối lượng đất đá thải (m ³)
1	Năm 1	3.308
2	Năm 2	2.731
3	Năm 3	3.418
4	Năm 4	2.948
5	Năm 5	2.334
6	Năm 6	2.392
7	Năm 7	738
8	Khấu vét	0
Tổng cộng		17.870

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 3,0 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định. 

2.1.2. Khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa diện tích 9m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Tổng khối lượng đất phủ toàn mỏ là 17.870m³. Khối lượng đất phủ được tập kết để phục vụ hoàn nguyên môi trường, rải đất đáy moong trồng cây, một phần nhỏ được sử dụng làm duy tu bảo dưỡng, sửa chữa đường hằng năm. Bố trí 02 bãi thải để chứa đất phủ, thông số bãi thải như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Bãi thải ngoài	Bãi thải trong (đổ thải từ năm thứ 3)
1	Diện tích đổ thải	ha	0,11	0,25
2	Cốt cao đổ thải	m	+760÷+765	+775
3	Số lượng tầng thải	tầng	1	1
4	Chiều rộng đai tầng	m	0	0
5	Chiều cao tầng thải	m	5÷7	5÷7
6	Góc dốc tầng thải	độ	35÷37	35÷37
7	Độ dốc ngang mặt bãi thải	%	2	2
8	Chiều cao bờ chắn	m	0,8	0,8
9	Chiều rộng bờ chắn	m	0,5	0,5
10	Chiều dài bờ chắn	m	100	100
11	Dung tích đổ thải	m ³	6.050	12.000

Căn cứ tình hình thực tế đổ thải, chủ dự án sẽ tăng thêm chiều cao bờ chắn an toàn để đảm bảo an toàn (bằng bao tải dứa đục cát sắp chồng lên nhau).

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại các Điều 122, 124, 125 và 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự

cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành. 

**Phụ lục số 04****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 147/GPMT-UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường 37.921m², trong đó:

+ Khu vực khai trường khai thác: 32.671m².

+ Khu vực phụ trợ: 5.250m².

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án được lựa chọn: “*Khai trường sau khi kết thúc khai thác: dỡ bỏ trạm nghiền sàng, san gạt khu vực đáy moong và bãi xúc chân tuyến bằng đất đá thải sau đó trồng cây (Bơ); xung quanh bờ mở lập biển báo, hàng rào dây thép gai, bờ mở gieo hạt trồng cỏ Ghine. Đối với khu vực phụ trợ dỡ bỏ các công trình kiến trúc, san lấp hồ lắng, san gạt bằng đất đá thải cải tạo mặt bằng sau đó tiến hành trồng cây (Bơ), sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý*”.

2.1. Khu vực khai trường khai thác (bao gồm cả bãi thải trong) thực hiện các nội dung sau: Khu vực khai trường có diện tích 32.671m² trong đó đáy mỏ có diện tích 15.318m², bờ mở có diện tích 17.353m² (gồm mặt tầng có diện tích 6.748m², sườn tầng có diện tích 10.605m² - 10.605m² là hình chiếu của taluy trên bản đồ kết thúc khai thác của dự án bằng phần mềm Autocad 2014).

- Khu vực sườn tầng (bờ mở):

+ Rà soát cạy bỏ các tầng đá đã mất chân trong quá trình khai thác, lập hàng rào, biển báo cảnh báo nguy hiểm xung quanh.

+ Kết thúc khai thác mỏ để lại các mặt tầng với tổng diện tích 6.748 m² được gieo hạt trồng cỏ Ghinê (mật độ 10kg hạt/ha).

+ Lập biển báo (02 biển), hàng rào dây thép gai xung quanh moong khai thác với chiều dài 50m và 20 cột trụ bê tông cốt thép.

- Phần đáy mỏ:

+ Tháo dỡ trạm nghiền sàng tại cao trình +760m.

+ Phần đáy mỏ tại các cao trình tương đối bằng phẳng được san lấp bằng đất phủ dày 0,8m. Tổng lượng đất phủ cho công tác san gạt đáy moong khai trường là 12.254m³ (lấy tại bãi thải trong và một phần từ bãi thải ngoài).

+ Tạo độ dốc để định hướng thoát nước mưa chảy tràn, đào hố (kích thước 0,4x0,4x0,4m) để trồng cây Bơ sấp trên toàn bộ diện tích đáy mỏ với mật độ 6m²/cây (tương đương khoảng 1.660 cây/ha), phủ đất vào hố và trồng cây.

2.2. Khu vực phụ trợ (bao gồm cả bãi thải ngoài) diện tích 5.250m^2 thực hiện các nội dung sau:

- Tháo dỡ toàn bộ các hạng mục công trình: Nhà điều hành mỏ, ăn nghỉ ca; nhà bảo vệ; nhà tắm vệ sinh; kho chứa chất thải nguy hại; kho vật tư cơ khí, sửa chữa thiết bị; trạm cấp dầu; trạm cân; nhà điều hành trạm cân; təc cấp nước sinh hoạt 5m^3 . Sau khi tháo dỡ, tiến hành san gạt, phủ đất tạo mặt bằng để trồng cây Bơ.

- Đối với trạm biến áp: Giữ nguyên trạm biến áp phục vụ cung cấp điện cho khu vực xung quanh.

- Đối với hồ lắng: Lắp toàn bộ hồ lắng đến cốt mặt bằng tự nhiên (cốt $+755\text{m}$) bằng đất thải từ bãi thải ngoài, tổng khối lượng đất lấp hồ lắng là 1.590m^3 . Hồ lắng được san lấp vào cuối quá trình phục hồi môi trường (trong quá trình thực hiện phục hồi vẫn sử dụng hồ lắng cho việc lắng lọc và thoát nước).

- Đối với khu vực bãi thải (bãi thải trong và bãi thải ngoài): Được lấy đất sử dụng cho công tác trồng cây, do đó sẽ không còn bãi thải. Khu vực này sẽ được phủ đất để trồng cây.

- Tổng lượng đất phủ cần cho công tác cải tạo khu phụ trợ là $0,75\text{m} \times 5.250\text{m}^2 = 3.937,5\text{m}^3$. Sau đó được san gạt, đào hố trồng cây trên phần diện tích 4.099m^2 (không tiến hành trồng cây trên phần diện tích hành lang an toàn đường dây 500kV diện tích 1.151m^2).

2.3. Đối với tuyến đường giao thông nội mỏ, hành lang hàng năm đều đã được duy tu, cải tạo thường xuyên, trồng cây tạo cảnh quan. Sau khi kết thúc dự án sử dụng tuyến đường này để đi lại ra vào khu vực, cây cối trồng hàng năm để tạo cảnh quan, không tiến hành cải tạo môi trường.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Cải tạo khai trường khai thác			Sau khi kết thúc khai thác
1	Lập hàng rào, biển báo			
-	Làm biển báo loại tam giác $0,7 \times 0,7 \times 0,7\text{m}$	cái	2	
-	Làm cột BTCT, dài $2,7\text{m}$	cột	20	
-	Lắp dựng lưới thép B40 xung quanh chân tầng	m^2	100	
2	Trồng cỏ mặt tầng			
-	Gieo hạt cỏ trên mặt tầng	ha	0,6748	
3	Tháo dỡ hệ thống đập nghiền sàng đá			
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	50	
4	San gạt và trồng cây đáy moong			
-	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T, phạm vi $\leq 500\text{m}$	100m^3	122,54	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
-	Chi phí san gạt	100m ³	122,54	
-	Chi phí trồng cây	ha	1,5318	
II	Cải tạo mặt bằng khu vực phụ trợ			
1	Phá dỡ cụm Nhà điều hành mỏ, ăn nghỉ ca; nhà bảo vệ, nhà vệ sinh			Sau khi kết thúc khai thác
-	Tháo dỡ tấm lợp mái, chiều cao $\leq 6m$	m ²	398	
-	Tháo dỡ các kết cấu thép, chiều cao $\leq 6m$	tấn	3,5	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	1,76	
-	Tháo dỡ cửa kính khuôn nhôm	m ²	21,36	
2	Phá dỡ kho vật tư cơ khí			
-	Tháo dỡ tấm lợp mái, chiều cao $\leq 6m$	m ²	148,2	
-	Tháo dỡ các kết cấu thép, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,5	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	4,323	
-	Tháo dỡ cửa thép	m ²	8,96	
3	Phá dỡ kho chất thải nguy hại			
-	Tháo dỡ tấm lợp mái, chiều cao $\leq 6m$	m ²	64,68	
-	Tháo dỡ các kết cấu thép, chiều cao $\leq 6m$	tấn	0,3	
-	Đập phá tường gạch	m ³	5,8212	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	1,22	
-	Tháo dỡ cửa	m ²	5,04	
4	Phá dỡ trạm cấp dầu			
-	Đập phá tường gạch	m ³	4,62	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	2,64	
-	Tháo dỡ cửa	m ²	1,98	
5	Phá dỡ nhà điều hành trạm cân			
-	Tháo dỡ tấm lợp mái, chiều cao $\leq 6m$	m ²	19,25	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³	m ³	12,6	
-	Đập phá tường gạch	m ³	7,524	
-	Tháo dỡ cửa	m ²	6,664	
6	Phá dỡ trạm cân			
-	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng búa cần khí nén 3m ³ /ph	m ³	25,5	
-	Tháo dỡ dầm, bệ thép, lan can thép	tấn	10	
7	Vận chuyển phế thải ra khỏi mỏ			
-	Vận chuyển phế thải bằng ô tô - 7,0T	m ³	61,39	
8	San lấp hồ lắng			
-	San gạt đất bằng máy ủi 110CV	100m ³	15,9	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
9	San gạt và trồng cây			
-	San gạt đất bằng máy ủi 110CV	100m ³	39,4	
-	Trồng cây	ha	0,40	

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: 681.606.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi một triệu, sáu trăm linh sáu nghìn đồng), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc đã tiến hành ký quỹ lần thứ nhất tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La với số tiền 170.401.500 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu, bốn trăm linh một nghìn, năm trăm đồng), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ: $681.606.000 - 170.401.500 = 511.204.500$ đồng (Bằng chữ: Năm trăm mười một triệu, hai trăm linh bốn nghìn, năm trăm đồng).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 07 lần, mỗi lần 73.029.214 đồng (Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá, số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của Quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ).

- Thời điểm ký quỹ: Phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền tại bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ nêu trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết. 

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nêu trên cho đơn vị có chức năng xử lý.

4. Vận hành thường xuyên, liên tục các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực trạm nghiền sàng, khu vực văn phòng và các khu vực phát sinh bụi khác tại dự án; tăng cường các giải pháp như phun sương dập bụi tại khu vực trạm nghiền sàng, tưới rửa đường vận chuyển, các xe chở đúng tải trọng, sử dụng bạt phủ che chắn; trồng cây xanh dọc tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực khai trường.

5. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

7. Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

8. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

9. Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn trong khu vực khai thác và tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị và các hoạt động có rủi ro cao khác.

10. Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật

về công tác an toàn về khai thác mỏ lộ thiên và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Sơn La và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước. Trường hợp quá trình khai thác, vận chuyển gây hư hỏng hạ tầng kỹ thuật, ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng dân cư, Chủ dự án phải bồi thường theo đúng quy định.

11. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.